

Bản án số: **94/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-8-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Phạm Văn P chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2010. Chị và anh Phạm Văn P có 01 người con chung tên: Phạm

Nhã Y, sinh ngày 17/11/2013 hiện nay đang chung sống với chị; về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn P không có tài sản, không có tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn P sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 01/2023 chị và anh Phạm Văn P sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn P không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, không nợ người khác người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Phạm Nhã Y như sau:*

Phạm Nhã Y con của chị Trần Kim T và anh Phạm Văn P, từ khi cha mẹ của Phạm Nhã Y không còn chung sống với nhau thì Phạm Nhã Y chung sống với mẹ là chị Trần Kim T. Khi cha mẹ của Phạm Nhã Y ly hôn thì Phạm Nhã Y có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Trần Kim T.

** Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Trần Kim T và anh Phạm Văn P sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Phạm Văn P có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cự cãi, bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Thời gian chị Trần Kim T và anh Phạm Văn P chung sống có 01 người con chung, hiện nay đang sống chung với chị Trần Kim T.

** Bị đơn anh Phạm Văn P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phạm Văn P biết và ấn định thời gian cho anh có ý kiến về việc chị Trần Kim T khởi kiện ly hôn và nuôi con với anh, nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Trần Kim T nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Trần Kim T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn anh Phạm Văn P và chị Trần Kim T (Bản chính); Giấy khai sinh Phạm Nhã Y, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2007 (Bản sao); Tờ nguyện vọng ngày 25/6/2023 của Phạm Nhã Y (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P. Về quan hệ con chung, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Phạm Nhã Y, sinh ngày 17/11/2013, chị không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn P. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Trần Kim T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị Trần Kim T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Trần Kim T tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Kim T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn P và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp XD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn P biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Trần Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Phạm Văn P nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

nhưng anh Phạm Văn P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn P nhưng anh Phạm Văn P vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa chị Trần Kim T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Trần Kim T và anh Phạm Văn P chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11, quyển số: 01 ngày 22/01/2010, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Trần Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn P, thời gian chị và anh Phạm Văn P chung sống với nhau không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất hòa với nhau, đến tháng 01/2023 chị và anh Phạm Văn P sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn P không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P, nhưng anh Phạm Văn P không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Trần Kim T yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Kim T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T, cho chị Trần Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Trần Kim T và anh Phạm Văn P có 01 người con chung tên Phạm Nhã Y, sinh ngày 17/11/2013. Khi ly hôn, chị Trần Kim T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, anh Phạm Văn P không có ý kiến yêu cầu gì, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay con chung của anh chị chung sống với chị Trần Kim T, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có nguyện vọng chung sống với chị Trần Kim T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Trần Kim T và

nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên Phạm Nhã Y, sinh ngày 17/11/2013 cho chị Trần Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Kim T không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Trần Kim T tự xác định, chị và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, chị Trần Kim T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Phạm Nhã Y, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2007 cho chị Trần Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay đang chung sống với chị Trần Kim T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Kim T không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Kim T tự xác định, chị và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, chị Trần Kim T cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003953 ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Kim T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/8/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo